

CÁC CHIẾN LƯỢC PHÊ PHÁN CỦA NGƯỜI VIỆT

ThS LÊ THÚY HÀ*

1. Đặt vấn đề

Phê phán (PP) là hành động ngôn từ (HĐNT) thuộc nhóm các HĐNT khó thực hiện nhất vì nó có khả năng đe dọa thể diện cao đối với người bị PP và ngay cả với người PP (thể diện âm tính). Mặc dù vậy trong cuộc sống hàng ngày chúng ta không thể tránh khỏi những lúc phải đưa ra các lời PP. Trên thực tế, trong những năm gần đây đã xuất hiện rất nhiều các nghiên cứu về HĐNT, nhưng lại có rất ít các nghiên cứu về hành động ngôn từ phê phán (HĐNTPP), đặc biệt là HĐNTPP trong các cuộc hội thoại diễn ra hàng ngày, trong những bối cảnh và tình huống tự nhiên đời thường. Tác phẩm *Giving criticism: A multiple goals case study* của Karen Tracy & Eric Eisenberg (University of Colorado, University of Southern California); *"Good" and "Bad" Criticism: A Descriptive Analysis* của Karen Tracy, Donna Van Dusen, and Susan Robinson trên tạp chí *Journal of Communication, Spring 1987*; *The perception of criticism: One trainee's experience* của Ruth Wajnryb trên tạp chí *EA Journal Volume 13 No 1*; *Phê phán và đáp lại lời phê phán bằng tiếng nước ngoài: Nghiên cứu của người Việt học tiếng Anh* của Nguyễn

Thị Thùy Minh (2005); *Nghiên cứu giao thoa văn hóa về hành động lời nói phê bình của người Việt và người Mỹ* của Hoàng Thị Xuân Hoa (2008) chỉ chủ yếu nghiên cứu HĐNTPP qua ngữ cảnh nhân tạo (phỏng vấn, trả lời câu hỏi điều tra, viết nhật kí...). Và như vậy các thể nghiệm có thể đã lựa chọn ngôn từ và chiến thuật phù hợp nhất trong các tình huống đã cho nhưng ngoài đời họ không sử dụng như vậy vì nhiều lí do và vì ảnh hưởng của các biến thể xã hội trong mỗi tình huống sinh động cụ thể khác nhau.

Tóm lại, cho đến nay chưa có công trình nghiên cứu nào tìm hiểu đặc trưng ngôn ngữ văn hóa, yếu tố xã hội, yếu tố tình huống trong tương tác tự nhiên của đời thường đối với HĐNTPP của người Việt. Do vậy, trong bài viết này chúng tôi tìm hiểu HĐNTPP *trực diện (face - to - face)* trong tình huống tự nhiên đời thường để thấy được trong thực tế người Việt PP như thế nào (đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa của hành động phê phán (HĐPP)) và bước đầu tìm hiểu 2 nội dung sau:

.....

* Học viện Ngân hàng - Phân viện Bắc Ninh.

1) Nhận diện hành động ngôn từ PP trong hội thoại hàng ngày.

2) Miêu tả các chiến lược được người Việt sử dụng để thực hiện HĐNTTP.

2. Phương pháp và tư liệu nghiên cứu

Để thực hiện được 2 nội dung nêu trên, trong phạm vi bài viết này phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp miêu tả và phân tích hội thoại. Tư liệu dùng để phân tích là 231 cuộc hội thoại tự nhiên có chứa các HĐNTTP trích từ các tác phẩm truyện ngắn Việt Nam hiện đại của các tác giả nổi tiếng. Các câu PP này được phân tích, mã hóa và thống kê theo 2 biến chủ yếu là chiến lược và cấu trúc ngữ nghĩa. Trước khi trình bày kết quả phân tích, chúng tôi muốn làm rõ một số vấn đề liên quan đến khái niệm PP, chiến lược, cấu trúc, cơ sở để nhận diện, mã hóa và thống kê tư liệu.

3. Một số khái niệm cơ bản

3.1. Hành động ngôn từ phê phán và nhận diện hành động ngôn từ phê phán trong hội thoại

HĐNTTP đã được định nghĩa và phân biệt với các hành động ngôn từ gần với nó như: phàn nàn, đổ lỗi, trách móc, buộc tội, lên án, tố cáo... trong các tác phẩm nghiên cứu về hành động ngôn từ và hành động ngôn từ PP của Karen Tracy & Eric Eisenberg; Karen Tracy, Donna Van Dusen, and

Susan Robinson; Ruth Wajnryb; Nguyễn Thị Thuý Minh và Hoàng Thị Xuân Hoa... Có một điểm chung là các tác giả này đều thống nhất cho rằng: "Hành động phê phán là hành động có lực ngôn trung thể hiện sự đánh giá tiêu cực hoặc không ủng hộ của người nói đối với hành động, sự ứng xử, phẩm chất, hình thức... mà người nghe có thể hoặc phải chịu trách nhiệm. Hành động này, theo quan điểm của người nói, là để mong có sự thay đổi hành động của người nghe, vì lợi ích của chính bản thân người nghe hoặc người khác hay cộng đồng hơn là vì lợi ích của người nói". Định nghĩa này đồng thời cũng thể hiện sự phân biệt hành động ngôn từ PP với các hành động ngôn từ gần với nó như đã nêu ở trên. Các hành động phàn nàn, đổ lỗi, trách móc, buộc tội, lên án, tố cáo... giống hành động PP ở điểm đều cùng thể hiện sự đánh giá tiêu cực hoặc không ủng hộ của người nói đối với hành động, sự ứng xử, phẩm chất, hình thức... mà người nghe có thể hoặc phải chịu trách nhiệm, song khác nhau ở sắc thái, mức độ và hướng của hành động. HĐPP hạn hẹp hơn so với hành động phàn nàn, trách móc, đổ lỗi ở chỗ HĐPP hướng vào sự thay đổi đối với hành động của người nghe nhằm làm người nghe tốt nên, vì lợi của chính bản thân người nghe hoặc người khác hay cộng đồng thay vì lợi ích của người nói, và có mức độ nghiêm trọng thấp hơn so với hành động tố cáo, lên án, buộc tội. Xét ở phương diện sắc thái hoàn

cảnh giao tiếp thì HĐPP thường xảy ra trong hoàn cảnh giao tiếp có sắc thái trang trọng hơn so với hành động phân nàn, đổ lỗi, trách móc (thường trong hoàn cảnh giao tiếp sinh hoạt đời thường), nhưng lại kém trang trọng hơn so với sắc thái hoàn cảnh giao tiếp của các hành động tố cáo, lên án, buộc tội (thường xảy ra trong quan hệ ngoại giao hoặc pháp lí).

Trong bài viết này, HĐPP được chúng tôi hiểu theo quan điểm như đã nêu ở trên và nó được nhận diện qua các điều kiện thực hiện theo các tiền đề mà Wierzbicka, Olshtain và Weinbach đã nêu như sau: 1) Người nói thấy rằng hành động hay sự lựa chọn của người nghe là không phù hợp với các tiêu chuẩn, chuẩn mực mà cả người nói và người nghe đều biết; 2) Người nói cho rằng hành động không phù hợp đó có thể mang đến hậu quả không tốt cho người nghe, cho người khác hay cho cộng đồng hơn là cho bản thân người nói; 3) Người nói cảm thấy không thoả mãn ngay cả khi điều đó không trực tiếp ảnh hưởng đến mình, và quyết định thể hiện ý kiến của mình bằng lời nói; 4) Người nói cho rằng lời phê phán đó có khả năng làm thay đổi hành động, cách cư xử sau này của người nghe và tin rằng nếu không có nó người nghe sẽ không thay đổi hoặc không có biện pháp sửa chữa.

Tóm lại, HĐNTTP trong hội thoại hàng ngày được nhận diện dựa trên

ba tiêu chí cơ bản: Thứ nhất, S (Speaker - người nói) tỏ ra không bằng lòng, không ủng hộ đối với H (Hearer - người nghe); Thứ hai, S thực hiện hành động này là để mong có sự thay đổi đối với hành động của H, vì lợi ích của chính bản thân H hoặc của người khác hay cộng đồng hơn là vì lợi ích của S; thứ ba, hành động này của S là trực diện, diễn ra trong hội thoại hàng ngày. Như vậy, một phát ngôn kiểu như: *Sao mà họ ác thế* (không trực diện); hay: *Đồ gái đĩ già mồm. Mà dám cướp chồng bà à. Bà thì cho mày tan xác pháo* (vì lợi ích của S) sẽ không được coi là HĐPP.

3.2. Các chiến lược phê phán

Một HĐPP có thể được thực hiện bằng các phát ngôn ngữ vi có dạng thức khác nhau về cú đoạn hoặc đích ngôn trung/ hệ hình (trực tiếp/ gián tiếp). Xét theo sự khác biệt về cú đoạn, có thể phân biệt các hành động PP được thực hiện chi bằng biểu thức ngữ vi là một mệnh đề chính (như: *Mày đúng là cái thứ ăn hại* (7, 24); *Em nhỏ nhen lắm* (5, 33); *Cô làm vậy là sai rồi* (10, 28)) với những hành động được thực hiện bằng phát ngôn ngữ vi gồm biểu thức ngữ vi và có thêm một hoặc nhiều thành phần hỗ trợ khác như các yếu tố thể hiện quan điểm, thái độ (*Theo tôi, cô làm như vậy là sai rồi*; *Mày nói vòng vo tam quốc mãi, tao mệt quá* (17, 28)); hoặc phát hiện ra vấn đề, nêu nguyên nhân và kết quả (*Anh thả lỏng bọn trẻ, nên*

chúng sinh hư là phải; Học hành lớt phớt như bọ mỳ, thế nào cũng rớt đại học cho mà coi (10, 28)). Xét theo đích ngôn trung có thể phân biệt hành động PP trực tiếp (*Cô làm như vậy là sai rồi; Theo tôi, cô làm như vậy là sai rồi*) và hành động PP gián tiếp (*Cô làm như vậy coi có được không?; Người ta đang la ó ầm ĩ ngoài kia kia* (10, 28)). Sau đây, chúng tôi sẽ làm rõ sự khác biệt thứ hai này.

Sự khác biệt giữa HĐNTTP trực tiếp và HĐNTTP gián tiếp được các nhà nghiên cứu đề xuất chủ yếu dựa theo "hàm ý hội thoại" của Grice (1975). Theo đó một hành động ngôn từ PP được coi là trực tiếp nếu S hiển ngôn bộc lộ thái độ PP của mình và H có thể tri nhận nó trực tiếp từ phát ngôn mà không cần phải qua một quá trình suy ý nào cả. Ngược lại, một HĐPP được coi là gián tiếp nếu S có ý che đậy ý định PP của mình dưới một hình thức hành động có đích ngôn trung khác, mà để nhận thức được nó, H phải thực hiện một sự suy luận.

Như vậy, nếu nhìn từ phía S, mức độ trực tiếp hay gián tiếp của một HĐNTTP chính là độ dài của con đường đi từ đích ngôn trung đến dạng thức cú pháp của biểu thức ngữ vi thực hiện HĐNTTP đó. Còn nếu nhìn từ phía H thì mức độ trực tiếp hay gián tiếp của một HĐNT đồng biến với độ dài tương đối của con đường suy diễn mà H cần thực hiện từ dạng thức cú pháp

của biểu thức ngữ vi thực hiện HĐNTTP đó nhằm đạt đến đích ngôn trung.

Vấn đề nghiên cứu HĐPP và phân loại chúng theo cách thực hiện đích ngôn trung trực tiếp/ gián tiếp trong tiếng Việt và một số ngôn ngữ khác đã được một số tác giả bàn đến như: Tracy, Dusen và Robinson [9]; Tracy và Eissenberg [8]; Toplak và Katz (2000); Kummuel, Tokui, Hasegawa và Kodama (1999); Nwoye (1992); Vu và Napier (2000); [5], [6]. Qua các tài liệu tham khảo này và từ thực tế phân tích cứ liệu hội thoại chúng tôi quan niệm như sau:

a) Về HĐNTTP trực tiếp

Một HĐPP được coi là hành động trực tiếp nếu HĐPP ấy được thực hiện bằng biểu thức ngữ vi dưới dạng câu trần thuật: 1) sử dụng động từ ngôn hành PP, phê bình (*Tôi nghiêm khắc phê bình thái độ thiếu nghiêm túc của đồng chí* (23, 213)); 2) có sự đánh giá tiêu cực, thái độ không đồng tình, không ủng hộ một cách công khai vấn đề được nêu đề PP (*Mày đúng là cái thứ ăn hại; Em nhỏ nhen lắm; Chị nói thế tôi nghe chưa được* (2, 121); *Em hoàn toàn không đồng ý việc anh luôn đi sớm về khuya như vậy* (15, 28)). Hoặc cũng có thể được thực hiện bằng biểu thức ngữ vi dưới dạng câu cảm thán: *Anh mất nét quá!* (23, 154).

b) Về HĐNTTP gián tiếp

Khác với biểu thức ngữ vi thực hiện HĐNTTP trực tiếp, biểu thức

ngữ vi thực hiện HĐNTTP gián tiếp có các dạng thức khác nhau:

- Câu trần thuật: *Người như cô mà làm cái nghề ấy thì lạ thiệt* (12, 235);

- Câu hỏi: *Mày là người làng, người nước kiêu đó hả?* (chồng tao lẳng nhăng mà mày không nói cho tao mà lại còn cố giấu, cố bảo vệ hần);

- Câu cầu khiến: *Thôi nào đồng chí Duy, cứng rắn lên chứ, ủy mị tiểu tư sản thế là không được đâu nha!* (9; 172); *Nhanh tay lên đi nào!* (8, 28) (làm chậm thế); *Nói be bé một tí! Làm gì mà gào lên như thế?* (4, 28) (nói to quá).

Có thể có các kiểu HĐNT gián tiếp khác nhau:

* Gián tiếp theo quy ước

HĐPP không thực hiện trực tiếp mà đích ngôn trung được suy ra gián tiếp nhờ tính quy ước của phương tiện biểu hiện trong các biểu thức ngữ vi. Các phương tiện quy ước được dùng để đánh dấu hành vi gián tiếp ở đây thường là:

- Câu thuyết giáo (giải thích, sửa chữa, chỉnh sửa, chỉ ra quy tắc, chuẩn mực): *Đàn bà con gái, phải biết giấu đau khổ trong lòng, phải biết kìm nén, chịu đựng con!* (3, 24);

- Khuyên/ gợi ý/ đề nghị/ yêu cầu thay đổi hoặc chỉnh sửa: *Nhanh tay lên đi nào; Nói be bé một tí. Làm gì mà gào lên như thế;*

- Câu hỏi tu từ: *Ái chà! Đồng chí là bộ đội mà còn phong kiến thế?* (2a, 125);

- Lờ mờ mai/ châm biếm: *Trông thế kia mà cũng đi ăn xin à?* (24, 86);

- Lờ mờ định: *Phải chi bà nghe lời tui không bỏ qua những nguyên tắc kinh tế tối thiểu thì đã không xảy ra chuyện này rồi.* (2b, 180);

- Thành ngữ/ tục ngữ: - *A! Định dạy đĩ vén váy hả!* (6a, 27) (Tôi không thích anh dạy khôn tôi); *Lẽ thường tình ở đời, trâu đi tìm cọc, chó có đâu cảnh cọc lại đi tìm trâu* (11, 29) (Con dạy quá, hư quá).

* Gián tiếp phi quy ước

HĐPP không được thực hiện trực tiếp với đích ngôn trung được nhận ra nhờ tính quy ước của các phương tiện biểu hiện trong biểu thức ngữ vi, mà được suy ra gián tiếp từ sự suy tưởng quy chiếu giữa sự vật, đặc trưng hay hành động được nói đến với ý định PP nhờ sự gợi ý của tình huống giao tiếp: "Ông tổ trường dân phố với người dân: *Cái bếp than hun khói ai để giữa đường thế, chị Trinh. Thôi thế thì đúng là chị không muốn cho em trắng đùi như chị rồi còn gì!*" (6a, 20); "Cậu thanh niên đưa tác phẩm đầu tay của mình cho một đàn anh là nhà văn nhận xét. Liếc xong tập bản thảo, anh nở nụ cười lạ: *Truyện trẻ con à?*" (14, 72).

Tuy nhiên, HĐPP là một HĐNT phức tạp, đặc biệt khi được xét trong

hội thoại đời thường. Khác với các nghiên cứu trước đây về HĐPP (chủ yếu là các tình huống giả định và cho sẵn) thể nghiệm viên có thể lựa chọn câu từ PP một cách cân nhắc và theo mục đích của nghiên cứu, HĐPP trích từ các câu truyện tự nhiên và rất gần hay phản ánh cuộc sống đời thường nên sinh động và phức tạp. Do đó, việc phân tích và phân loại HĐPP không chỉ dựa vào cấu trúc ngữ nghĩa của biểu thức ngữ vi và tính trực tiếp/ gián tiếp của HĐPP mà còn phải xét ở lực ngôn trung hay thái độ, giọng điệu, quan điểm của S trong cả đoạn thoại có chứa phát ngôn ngữ vi PP. Căn cứ vào thái độ, giọng điệu, quan điểm của S, chúng tôi còn phân biệt HĐPP ở các mức độ nghiêm trọng khác nhau đứng trên quan điểm của S. Theo đó, mức độ của HĐPP được tăng dần theo các hành vi: khuyên, đề nghị, yêu cầu, gợi ý H thay đổi; thuyết giáo, giảng giải ngụ ý H làm không đúng; phàn nàn; chê; trách; mắng, chì chiết; mỉa mai; cấm đoán, đe nẹt; chửi.

Như vậy, HĐPP trong bài viết được phân loại theo 3 chiến lược cơ bản: trực tiếp, gián tiếp theo quy ước, gián tiếp phi quy ước và phân tích theo sự biểu hiện dưới dạng cấu trúc ngữ nghĩa của biểu thức ngữ vi với các động từ ngữ vi trần thuyết, hỏi, cảm thán, cầu khiến và mức độ nghiêm trọng của vấn đề cần PP nhìn từ góc độ S trong cả đoạn thoại có chứa phát ngôn ngữ vi PP:

- Khuyên: dùng các cấu trúc như: ...*đừng...*, ...*cần/ nên/ phải...*, ...*có phải hơn không, sao/ chẳng lẽ/ tại sao...*
Thí dụ: *Đừng vì con chó mà làm mất hoà khí anh em/ Để thì giờ đọc vài quyển sách cho mở mang cái đầu có hơn không?* (18, 10);

- Thuyết giáo: *Làm thằng đàn ông phải có danh. Đã lao vào nghề thuật là phải hơn thua.; nếu viết văn phải hay hơn những thằng khác; nếu chơi đàn thì thằng khác phải thua mình. Để bọn đàn bà con gái đã một lần đọc văn, một lần nghe đàn là không dứt được, đánh đổi cả cuộc đời theo mình* (21, 184);

- Phàn nàn: *Viết lách như cái cục cút ấy!* (25, 71);

- Chê: *Ông dốt bỏ mẹ* (6b, 20);

- Trách: *Anh là đồ bất hiếu, không biết thương cha mẹ* (26, 19);

- Mắng: *Nhìn nhìn cái gì. Có lên chõng ngủ đi không? Người lớn nói chuyện ngồi đấy mà hóng hớt.* (27, 17);

- Mỉa mai: *Trông thế kia mà cũng đi ăn xin à?*

- Cấm đoán, đe nẹt: *Thôi ngay. Đừng làm điều thất đức đó. Tội đấy. Anh không thương người sống thì cũng đừng khinh người chết chứ* (16, 60);

- Chửi: *Đồ dẽ dầy dẽ rạc. Dắt giai về nhà giữa ban ngày ban mặt. Chà trách mà thằng chồng bỏ!* (20, 95).

Các kết quả phân tích và phân loại này sẽ làm cơ sở để chúng tôi mã

hóa mức độ gián tiếp cũng như cách thức thực hiện của HĐPP, qua đó tìm hiểu đặc trưng lời PP của người Việt và sau này đối chiếu với mức độ lịch sự của chúng.

4. Kết quả khảo sát

Ở trên chúng tôi đã trình bày sự phân loại và mã hóa để thống kê: các biểu thức ngữ vi phê phán (dạng câu) theo 2 biến chủ yếu là 1) chiến lược trực tiếp/ gián tiếp và 2) cấu trúc ngữ nghĩa; cả phát ngôn PP với hai biến chủ yếu 1) chiến lược trực tiếp/ gián tiếp và 2) mức độ nghiêm trọng của vấn đề từ quan điểm của H. Dưới đây chúng tôi sẽ phân tích đối chiếu các

kết quả thống kê này để mô tả đặc điểm các chiến lược được người Việt sử dụng để thực hiện HĐPP.

Kết quả thống kê được trình bày trong bảng 1. Cột ngang là số lượng và tỉ lệ phần trăm các HĐPP đã được mã hóa và thống kê theo ba kiểu HĐPP tương ứng: trực tiếp (TT), gián tiếp quy ước (QU), gián tiếp phi quy ước (PQU). Cột dọc là số lượng và phần trăm các biểu thức ngữ vi/ câu thực hiện HĐPP đã được mã hóa và thống kê theo cấu trúc của bốn kiểu câu: câu trần thuật, câu hỏi, câu cảm thán, câu cầu khiến và việc sử dụng thành ngữ, tục ngữ.

Bảng 1. Tần số các câu PP có cấu trúc khác nhau

Cấu trúc	TT		QU		PQU		Tổng	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Câu trần thuật	49	81,7	68	51,9	25	62,5	142	61,4
Câu hỏi	0	0	46	35,1	8	20	54	23,4
Câu cảm thán	11	18,3	11	8,4	7	17,5	29	12,6
Câu cầu khiến	0	0	6	4,6	0	0	6	2,6
Thành ngữ, tục ngữ	0	0	18	13,7	0	0	18	7,9
Tổng	60	26	131	56,7	40	17,3	231	100

Để hiểu rõ hơn tình hình sử dụng các kiểu HĐPP trực tiếp và gián tiếp trong tiếng Việt chúng ta có thể so sánh kết quả này với kết quả nghiên cứu trong tiếng Việt và một số ngôn ngữ khác. Trong tiếng Việt, Hoàng Thị Xuân Hoa [5] nghiên cứu giao thoa văn hóa về HĐNTTP của người Mỹ và người Việt bằng phương pháp sử dụng bảng hỏi, hoàn thành hội thoại và phỏng vấn sâu cho 8 tình huống

PP đời thường theo 4 chủ đề 1) hình thức 2) kết quả công việc, 3) ứng xử nơi làm việc, 4) ứng xử nơi công cộng. Với việc nhận diện và phân tích HĐPP tương tự nhưng dừng lại ở hai chiến lược là trực tiếp (dạng đánh giá tiêu cực, không ủng hộ, phát hiện vấn đề và hậu quả) và gián tiếp (dạng chỉ ra các quy tắc, quy chuẩn; khuyên/ gợi ý/ yêu cầu thay đổi; giả định và các gợi ý khác). Về cơ bản, cách phân loại

này cũng gần với cách phân loại của chúng tôi nếu quy kiểu HĐNT gián

tiếp theo quy ước và phi quy ước vào chung một kiểu gián tiếp.

Bảng 2. So sánh mức sử dụng kiểu HĐPP giữa tiếng Anh và tiếng Việt (theo [5])

Nhóm chiến lược	Việt Nam		Mỹ	
	SL	%	SL	%
Trực tiếp	165	27,2	169	30
Gián tiếp	440	72,8	396	70
Tổng	605	100	565	100

So sánh kết quả trong bảng 1 và bảng 2 có thể nhận thấy: không có sự khác biệt đáng kể trong 2 công tình nghiên cứu HĐPP trong tiếng Việt và tiếng Anh. Theo kết quả nghiên cứu [5], thì cả người Việt và người Mỹ đều thích sử dụng kiểu HĐNTPP gián tiếp (V: 74%; và 72,8%; M: 70%) hơn là HĐNT PP trực tiếp (V:26% và 27,2%; M: 30%) và sự khác biệt này là rất đáng kể. Tuy nhiên, tác giả cũng nhận thấy các cách thể hiện của người Việt và người Mỹ trong hai kiểu HĐPP này lại khác nhau. Ngoài ra, trong các công trình nghiên cứu các ngôn ngữ khác như Nhật, Mỹ, Trung (Kummel, Tokui, Hasegawa và Kodama, 1999) dựa trên cứ liệu thu thập được từ các đoạn thoại được lấy từ các vở kịch được công chiếu ở 3 quốc gia, các tác giả thấy rằng người Nhật sử dụng chủ yếu là HĐNTPP gián tiếp, còn người Mỹ và bất ngờ là cả người Trung Quốc nữa - vốn được coi là sẽ giống người Nhật vì cùng có nguồn gốc châu Á - lại rất thích dùng HĐNTPPTT. Cùng quan điểm này với 3 tác giả nghiên cứu về HĐNTPP của người Mỹ học và làm việc

tại Việt Nam, Vu & Nappier (2000) quan sát thấy rằng họ thích dùng HĐNTPP trực tiếp hơn rất nhiều khi PP đồng nghiệp bởi vì họ cho rằng HĐPP không phải là làm cho người nghe mất thể diện mà chính là giúp cho họ tiến bộ. Nwoye (1992) khi nghiên cứu về thể diện của người Igbo (chủng tộc cư trú ở phía nam của Nigêria) cho thấy người Igbo cũng thích dùng HĐNTPPTT, vì cũng như người Mỹ, họ quan niệm sử dụng HĐNTPP trực tiếp là chân thành, còn HĐNTPP gián tiếp mặc dù để tránh làm mất thể diện của người nghe nhưng vẫn bị coi là không chân thành, không ngay thẳng.

Xét về mặt cấu trúc của biểu thức ngữ vi, HĐNTPP theo sự phân loại của Searle và Austin thuộc nhóm biểu hiện và ứng xử nên các biểu thức ngữ vi để thực hiện các HĐNTPP được sử dụng ở dạng cấu trúc của câu trần thuật và câu cảm thán. Tuy nhiên, trong thực tế chúng tôi nhận thấy HĐNTPP được thực hiện bằng cả 4 loại câu/ biểu thức ngữ vi khi dùng kiểu quy ước và phi quy ước. Đáng chú ý là việc thực hiện HĐNTPP bằng biểu thức

ngữ vi có cấu trúc câu hỏi cũng xuất hiện với tần suất lớn: 23,4%, nghĩa là chỉ sau biểu thức ngữ vi có cấu trúc chính - câu trần thuật: 61,4% và sự xuất hiện của các câu thành ngữ, tục ngữ trong kiểu HĐNTPP phi quy ước. Như vậy, ở kiểu HĐNTPP trực tiếp có 2 kiểu cấu trúc biểu thức ngữ vi

là câu trần thuật và câu cảm thán, ở kiểu HĐNTPP phi quy ước có cả 4 kiểu cấu trúc biểu thức ngữ vi, còn ở kiểu HĐNTPP phi quy ước lại vắng mặt biểu thức ngữ vi có cấu trúc câu mệnh lệnh. Trong đó thứ tự tần số xuất hiện từ thấp đến cao là: câu khiến < cảm thán < hỏi < trần thuật.

Bảng 3. Phân loại theo mức độ nghiêm trọng của vấn đề PP từ góc độ người nói

Các phát ngôn ngữ vi PP có hiệu lực ở lời như một lời:	TT		QU		PQU		Tổng	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khuyến (khuyến ngăn, khuyến can, khuyến bảo,...)	6	10	7	5,3	7	17,5	20	8,7
Thuyết giáo (giải thích, giảng giải, thuyết phục,...)	1	1,7	4	3,1	6	15	11	4,8
Phản nài (phản nài, cầu nài, than vãn,...)	5	8,4	7	5,3	0	0	12	5,2
Chê (chê bai, chê trách, dè bêu...)	14	23,3	14	10,7	0	0	28	12,1
Trách (trách hờn, trách khéo, trách cứ, ...)	20	33,3	54	41,2	17	42,5	91	39,3
Mắng (mắng mỏ, mắng chửi, mắng nhiếc, ...)	9	15	22	16,8	0	0	31	13,4
Mĩa mai (mĩa mai, châm biếm, ...)	0	0	11	8,4	9	22,5	20	8,7
Cấm đoán (yêu cầu, thách thức, mệnh lệnh, ...)	2	3,3	4	3,1	1	2,5	7	3,0
Chửi (chửi mắng, chửi bới, chửi rủa,...)	3	5,0	8	6,1	0	0	11	4,8
Tổng	60	100	131	100	40	100	231	100

Xét trong cả đoạn thoại có chứa phát ngôn ngữ vi PP chúng tôi nhận thấy một việc hết sức rõ ràng (mà không thể có trong các nghiên cứu về các tình huống PP cho sẵn trước đây) là sự bộc lộ thái độ của H và S qua đó H nhận thấy mức độ nghiêm trọng của lỗi mà H gây ra hoặc phải chịu trách nhiệm theo quan điểm của S. Bảng 3

cho thấy theo đặc trưng của từng kiểu HĐNTPP, ở kiểu HĐNTPP trực tiếp vắng mặt động từ ngữ vi có hiệu lực ngôn trung miã mai; ở kiểu HĐNTPP gián tiếp phi quy ước vắng mặt các động từ ngữ vi có hiệu lực ngôn trung phản nài, chê, mắng và chửi. Ở kiểu HĐNTPP gián tiếp quy ước xuất hiện đầy đủ các động từ ngữ vi có đủ 9 loại

hiệu lực ngôn trung. Tần suất sử dụng HĐNTTP từ thấp đến cao được thể hiện như sau:

HĐNTTP trực tiếp: mia mai < thuyết giáo < cảm đoán < chửi < phàn nàn < khuyên < mắng < chê < trách;

HĐNTTP quy ước: thuyết giáo = cảm đoán < khuyên = phàn nàn < chửi < mia mai < chê < mắng < trách;

HĐNTTP phi quy ước: Phàn nàn = chửi = mắng = chê = 0 < cảm đoán, thuyết giáo < khuyên < mia mai < trách;

Σ : cảm đoán < thuyết giáo = chửi < phàn nàn < khuyên = mia mai < chê < mắng < trách.

Có thể thấy, tiểu loại HĐNTTP có hiệu lực như một lời trách (ở mức nghiêm trọng trung bình) được sử dụng nhiều nhất và ở tất cả các kiểu HĐNTTP. Tiếp đến là mắng và chê (ở mức nghiêm trọng liền kề trước và liền kề sau mức trung bình). Vậy cách sử dụng các kiểu HĐNTTP trực tiếp/ gián tiếp, kiểu cấu trúc biểu thức ngữ vi và cách thể hiện theo mức độ nghiêm trọng của lỗi xét từ phía S có mối quan hệ gì với tính lịch sự và biểu hiện đặc điểm gì của người Việt?

5. Thảo luận

Như vậy, cách nhận diện HĐNTTP trực tiếp đơn giản là trong các tình huống cho sẵn. Trong hội thoại sự việc có vẻ phức tạp hơn rất nhiều mặc dù vẫn được thể hiện dưới các dạng HĐNTTP trực tiếp/ gián tiếp, nhưng

các kiểu cấu trúc của biểu thức ngữ vi không chỉ dừng lại ở dạng câu trần thuật và câu cảm thán mà ẩn nấp trong cả 4 kiểu cấu trúc. Điều này làm cho việc nhận diện trở nên khó khăn vì có nhiều trường hợp trong biểu thức ngữ vi vắng mặt các dấu hiệu của một hành động phê phán. Với các tình huống đó, việc nhận diện HĐNTTP phụ thuộc nhiều vào ngữ cảnh, thái độ, giọng điệu, quan điểm của cả S và H. Số liệu phân tích phần trên cho thấy tần số xuất hiện của các HĐNTTP: TT: 26%; QU: 56,7%; PQU: 17,3%. Như vậy, sự lựa chọn cách PP phổ biến nhất là kiểu HĐNTTP gián tiếp (GT) theo QU. Nếu xét theo mức độ gián tiếp tăng dần thì ta sẽ có: TT < QU < PQU. Xét theo mức độ nghiêm trọng của lỗi từ phía H tăng dần ta có: thuyết giáo -> phàn nàn -> chê -> trách -> mắng -> mia mai -> chửi. Người Việt lựa chọn hành vi trách với tần số cao nhất (39,3%); hai lựa chọn tiếp theo là chê (12,1%) và mắng (13,4%). Cách lựa chọn hình thức PP bằng biểu thức ngữ vi có cấu trúc xuất hiện với tần số cao nhất là dạng câu trần thuật và câu hỏi. So với các loại HĐNTTP bằng biểu thức ngữ vi có cấu trúc ở dạng các loại câu còn lại thì biểu thức ngữ vi có cấu trúc ở dạng câu trần thuật, câu hỏi trong HĐPP là loại HĐNTTP để ngỏ sự lựa chọn cho H, mức áp đặt thấp và ít thể hiện quan điểm chủ quan so với HĐNTTP bằng biểu thức ngữ vi có dạng câu cảm thán (mang tính

chủ quan cao) và dạng câu cầu khiến (có tính áp đặt cao). Đặc biệt đối với HĐNTTP GT theo QU, chúng tôi còn nhận thấy có một số lượng đáng lưu ý HĐNTTP được thực hiện bằng biểu thức ngữ vi dùng tục ngữ, thành ngữ (13,7%) theo lối nói dân gian. Như vậy, rõ ràng người Việt ưa dùng loại HĐNTTP mang tính chất trung tính, an toàn, có hàm ý, ý tứ, nhẹ nhàng, ôn hòa nhưng không quá khó để suy luận cho H như của HĐNTTP GT PQU. Có lẽ (1) đây là đặc điểm chung của người châu Á nói chung và của người Việt nói riêng thiên về lối ứng xử ôn hòa, tế nhị và với việc lựa chọn có độ an toàn cao cho cả H và S trong giao tiếp hội thoại hàng ngày; (2) HĐNTTP là hành động đòi hỏi phải có sự khéo léo vì nó dễ gây ra sự tổn hại đến thể diện của S và H; (3) do sự trùng hợp ngẫu nhiên của quá trình chọn mẫu. Và cách lựa chọn như vậy có quan hệ gì với tính lịch sự trong giao tiếp? Mọi quan hệ gián tiếp và lịch sự trong HĐPP của người Việt chịu sự chi phối của nguyên tắc phổ quát (lịch sự đồng bình với mức gián tiếp của phát ngôn hay sự gián tiếp có chức năng biểu hiện lịch sự) hay chịu sự chi phối của văn hóa hay là chịu sự chi phối của cả hai nhân tố này? Để đi đến được một kết luận có cơ sở vững chắc cần có những nghiên cứu sâu hơn, trong đó cần xét các nhân tố như khoảng cách, quyền lực, tuổi tác, nghề nghiệp, tình huống ảnh hưởng tới HĐPP.

6. Kết luận

Số liệu phân tích tư liệu điều tra cả về chất và về lượng bước đầu cho thấy trong tình huống đời thường, người Việt sử dụng HĐNTTP hết sức phong phú, không chỉ dừng lại ở HĐNTTP bằng biểu thức ngữ vi PP thông thường có dạng một câu trần thuật hay câu cảm thán, mà cả ở dạng câu hỏi, câu cầu khiến (vốn không phải là cách để thể hiện một thái độ, một cách cư xử hay lựa chọn của người khác) qua cả hai kiểu HĐNTTP TT và GT (QU và PQU). Việc thực hiện HĐNTTP hết sức phong phú này còn được thể hiện ở việc H nhận thấy được mức độ nghiêm trọng của lỗi mình gây ra hoặc phải chịu trách nhiệm qua hiệu lực ở lời của các phát ngôn ngữ vi như một lời khuyên, lời thuyết giáo, phàn nàn, chê, trách, mắng, mỉa mai, chửi của S. Qua kết quả phân tích, chúng tôi nhận thấy người Việt ưa dùng HĐNTTP gián tiếp theo QU, bằng biểu thức ngữ vi có cấu trúc của câu trần thuật và câu hỏi trung tính như một lời trách, lời mắng hoặc chê. Tuy nhiên, việc nghiên cứu mới chỉ góp phần nhận diện HĐNTTP trong các tình huống đời thường và phát hiện cách thức mà người Việt thể hiện lời PP. Ở các nghiên cứu tiếp theo, chúng tôi sẽ đi sâu hơn nữa vào việc tìm ra các nhân tố xã hội ảnh hưởng đến việc lựa chọn chiến lược PP và nghiên cứu biểu hiện về tính lịch sự của chúng trong tiếng Việt dựa trên các dữ liệu này.

NGŨ LIỆU TRÍCH DẪN

1. Cẩn Khánh Vân, *Điệp khúc mì tôm*, Trong *Những truyện ngắn hay nhất của các tác giả trẻ*, Nxb Thanh niên, 2011.
2. Chu Lai,
 - a. *Trung du chiều cuối năm*, Văn nghệ Quân đội, Số 614-615, Tết Ất Dậu, 2005.
 - b. *Ấn mày dĩ vãng*, Nxb Hội Nhà văn, 1995.
3. Đặng Minh Sáng, *Gió Lào đang rục rủa*, Văn nghệ Quân đội, Số 654/9, 2006.
4. Khôi Vũ, *Lỡ một*, Tuổi trẻ chủ nhật, No. 10, 2006.
5. Đường Chi, *Chồng chị chồng em*, Trong *Truyện ngắn 50 tác giả trẻ*, Nxb Thanh niên, 2007.
6. Ma Văn Kháng,
 - a. *Tổ trưởng dân phố*, Trong *Truyện ngắn hay 2007*, Nxb hội nhà văn, 2007.
 - b. *Canh bạc cuối cùng*, Trong *Truyện ngắn hay 2011*, Nxb Thời đại.
7. Mạc Can, *Cuộc hành trình về buổi sáng*, Tuổi trẻ chủ nhật, No. 20, 2005.
8. Manuel Rivas, *Lưỡi Bướm*, Tuổi trẻ chủ nhật, No. 24, 2005.
9. Nguyễn Đắc Như, *Mối tình đầu*, Trong *Truyện ngắn hay 2007*, Nxb Hội nhà văn, 2007.
10. Nguyễn Hoàng Lược, *Phóng sinh*, Tuổi trẻ chủ nhật, No. 7, 2007.
11. Nguyễn Hiệp, *Máy đồ*, Văn nghệ Quân đội, Số 660/12, 2006.
12. Nguyễn Quốc Trung, *Đời khát thực*, Trong *Truyện ngắn hay 2011*, Nxb Thời đại.
13. Nguyễn Thế Hùng, *Ngày - đêm - ngày*, Văn nghệ Quân đội, Số 636/12, 2005.
14. Nguyễn Tiến Hoá, *Đồng chiêm*, Văn nghệ Quân đội, Số 654/9, 2006.
15. Nguyễn Thị Tuyết Hạnh, *Đường Chân Trời*, Tuổi trẻ chủ nhật, No. 9, 2003.
16. Phan Đình Minh, *Cỏ Miên Hương*, Văn nghệ Quân đội, Số 660/12, 2006.
17. Quế Hùng, *Tiên ngời khóc*, Tuổi trẻ chủ nhật, No. 45, 2005.
18. Thanh Hương, *Chuyến thăm cuối cùng*, Tạp chí của Hội nhà văn Việt Nam, Số 3, 2005.
19. Trần Văn Bạ, *Lửa*, Văn nghệ Quân đội, Số 658/11, 2006.
20. Trần Thị Trường, *Ngược nắng*, Trong *36 truyện ngắn của các nhà văn nữ*, Nxb Lao động.
21. Sương Nguyệt Minh, *Đôi con gái*, Trong *Truyện ngắn hay 2010*, Nxb Thời đại.
22. Võ Thị Xuân Hà, *Ngựa mặt cười khan*, Trong *Truyện ngắn hay 2011*, Nxb Thời đại.

23. Vũ Hương Giang, *Chung thùy*, Trong 36 truyện ngắn của các nhà văn nữ, Nxb Lao động.

24. Nguyễn Đình Tú, *Chuông ngân của phủ*, Văn nghệ Quân đội, Số 663-664/2, 2007.

25. Khuất Quang Thụy, "*Từ đại mỹ nhân*" của sư đoàn chúng tôi, Văn nghệ Quân đội, Số 614-615, Tết Ất Dậu, 2005.

26. Nguyễn Quỳnh Trang, *Sài Gòn*, Trong *Những truyện ngắn hay nhất của các tác giả trẻ*, Nxb Thanh niên, 2011.

27. Phạm Thanh Khương, *Bốn chiều gió cá*, Văn nghệ Quân đội, Số 658/11, 2006.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Anh

1. Austin J L., *How to do things with words*, OUP, Oxford, 1962.

2. Bach R., and Harnish R. M., *Linguistic communication and speech acts*, The MIT Press, Cambridge, 1979.

3. Blum-Kulka S., *Indirectness and politeness in requests: Same or different?* Journal of Pragmatics 11, 131-146, 1987.

4. Geis M., *Speech acts and conversational interaction*, CUP, Cambridge, 1998.

5. Hoang Thi Xuan Hoa, *The speech act of criticizing by the Vietnamese and the*

Anglo- American: a cross- culture study, Ph, D Dissertation, VNU-CFL, 2008.

6. Nguyen Thi Thuy Minh, *Criticizing and responding to criticism In A foreign language: A study of Vietnamese learners of English*, PhD Thesis, The University of Auckland, 2005.

7. Searle J., *Speech acts*, CUP, Cambridge, 1969.

8. Searle J., *Indirect speech acts*, In P, Cole & J, Morgan (Eds), *Syntax and semantics, Vol,3*, Speech Acts, Academic Press, New York, 1975.

9. Tracy K., & Eisenberg E., *Giving criticisms: a multiple goal case study*, Research on Language and Social Interaction 24, 37-70, 1990.

10. Tracy K., Van Dusen D., & Robinson S., *Good and bad criticism: a descriptive analysis*, Journal of Communication 37, 46-59, 1987.

Tiếng Việt

11. Bùi Phụng, *Từ điển Việt - Anh*, Nxb Thế giới, Tp HCM, 1995.

12. Đinh Trọng Lạc, *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*, Nxb GD, H., 2002.

13. Hoàng Phê, *Phân tích ngữ nghĩa - Semantic analysis*, T/c Ngôn ngữ, Số 2, 1975.

14. Hoàng Phê, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2000.

15. Hoàng Trọng Phiến, Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb GD, 1990.

16. Nguyễn Thiện Giáp, *Đại cương ngôn ngữ học*, Tập 2, Nxb GDVN.

17. Nguyễn Đức Tồn, *Nghiên cứu đặc trưng văn hoá qua ngôn ngữ và tư duy ngôn ngữ*, Trong *Việt Nam những vấn đề ngôn ngữ và văn hoá*, Hội ngôn ngữ học Việt Nam, Trường ĐHNN HN, H., tr.17-21, 1993.

18. Nguyễn Văn Khang, *Ngôn ngữ học xã hội - Những vấn đề cơ bản*, Nxb KHXH, H., 1999.

19. Vũ Thị Thanh Hương, *Gián tiếp và lịch sự trong lời cầu khiến Tiếng Việt*, Trong *Ngôn ngữ, giới và nhóm xã hội từ thực tiễn Việt Nam*, Nxb KHXH, H., tr.179- 211, 2000.

SUMMARY

The purpose of the study is to discover the strategies used by the Vietnamese people to express their criticism through

an analysis of 231 conversations extracted from Vietnamese modern short stories. Criticism is defined in the study as a speech act whose illocutionary point is to give negative evaluation on Hearer's actions, choice, words, and products...etc for which he or she may be held responsible. This act is performed in hope of influencing Hearer's future actions for the better for his/ her, for community's or the other benefit as viewed by Speaker or to communicate Speaker's dissatisfaction or discontent with or dislike regarding what Hearer has done but without the implicature that what Hearer has done bring undesirable consequences to Speaker. The direct and indirect conventional and non-conventional strategies are discovered under the form of a statement, a exclamation, a directive and a question which have illocutionary force of an advice, a preaching, a complaint, a disparage, a blame, a scold, a sarcasm, a prohibition, or an insult.